

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH P**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HS-ST
Ngày: 27-4-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH P**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Lương Viết Tú**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Đỗ Minh Thân** - Nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu tại xã Xuân Lộc, huyện TT, tỉnh P.

Ông **Nguyễn Thành Lâm** - Nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu tại xã Đào Xá, huyện TT, tỉnh P.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông: **Lê Anh Xuân Ngọc** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên toà: Bà **Hoàng Thị Thùy** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2020. Tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2020, đối với bị cáo:

Lê Đăng N, sinh ngày 05/6/1976 tại huyện C, tỉnh N1; Nơi ĐKKHKT: Thôn Mỹ Lộc, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố H1; Chỗ ở hiện nay: Tổ 4, phường Hùng Vương, thành phố Phúc Yên, tỉnh V; Nghề nghiệp: Kỹ sư xây dựng; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn H2, SN 1932 và bà Trần Thị T, SN 1948; Có vợ Lưu Hiền T1, SN 1979 (đã ly hôn) và 02 con (lớn SN 2004, nhỏ SN 2010); Tiền án, tiền sự: Không; Lịch sử bản thân: Bản án số 151 ngày 29/12/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh V xử phạt Lê Đăng N 03 năm tù cho hưởng án treo về tội “*Cướp tài sản của công dân*”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/11/2019, đến ngày 17/01/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”. Bị cáo tại ngoại. (có mặt).

- Người bị hại: Chị Nguyễn Thương H, sinh ngày 12/7/2003; Địa chỉ: Khu 5, xã Đ, huyện TT, tỉnh P (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật cho chị H: Bà Bùi Thị B, sinh năm 1975; Địa chỉ: Khu 5, xã Đ, huyện TT, tỉnh P. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22h30, phút ngày 08/11/2019 tại ngã tư đường nối QL32- QL70B và đường liên xã thuộc khu 5, xã Trung Thịnh (nay là khu 17, xã Đ), huyện TT. Quần chúng nhân dân phát hiện Lê Đăng N đang có hành vi sử dụng 01 dao bấm không chế, đe dọa chị Nguyễn Thương H nhằm mục đích chiếm đoạt của chị H 01 điện thoại IPHONE 6S màu hồng đã qua sử dụng. Nhận được tin báo, Công an huyện TT phối hợp cùng Công an xã Trung Thịnh có mặt tại hiện trường để lập biên bản phạm tội quả tang đối với Lê Đăng N.

Để có căn cứ giải quyết, ngày 11/11/2019, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TT đã có văn bản yêu cầu cơ quan chuyên môn là Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thuộc UBND huyện TT định giá tài sản bị chiếm đoạt là 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S màu hồng, dung lượng bộ nhớ 32G, điện thoại đã qua sử dụng. Tại bản kết luận định giá số 34 ngày 13/11/2019 của Hội đồng định giá đã kết luận giá trị của chiếc điện thoại cần định giá là 3.000.000đ.

Tại cơ quan điều tra, Lê Đăng N khai nhận bản thân là kỹ sư xây dựng, quá trình làm việc tại công trình xây dựng tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, N có sử dụng ma túy methamphetamine. Đến ngày 06/11/2019, N về làm việc tại công trình xây dựng thuộc khu nghỉ dưỡng Vườn Vua, huyện TT, tỉnh P. Khoảng 20h30 ngày 08/11/2019, sau khi ăn cơm và uống rượu xong N mang theo 01 dao bấm chuôi màu xanh KT 11cm x 02cm và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA DREAM BKS 88D1- 066.38 đi theo tuyến đường liên xã Hoàng Xá và xã Trung Thịnh, huyện TT. Khoảng 21h45 phút cùng ngày, N đi đến khu vực ngã tư đường nối QL32- QL70B và đường liên xã thuộc khu 5, xã Trung Thịnh, huyện TT thì thấy chị Nguyễn Thương H đang ngồi một mình trên xe mô tô để nghe điện thoại. N quan sát thấy xung quanh không có người qua lại và do ảo giác từ hệ quả của việc sử dụng ma túy nên N nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S màu hồng của chị H. Để thực hiện ý định trên, N điều khiển xe mô tô chặn phía trước xe mô tô của chị H, chị H thấy N chặn xe của mình nên hoảng sợ định bỏ chạy nhưng N đi vòng phía sau, dùng tay trái nắm vào cổ áo chị H kéo giật lại đồng thời dùng tay phải vòng từ phía sau ra phía trước bịt miệng không cho chị H kêu cứu. N dùng tay trái giật chiếc điện thoại di động chị H đang cầm trên tay nhưng do chị H giằng tay lại nên N không giật được điện thoại, lúc này chị H vẫn liên tục kêu cứu, N kéo mạnh chị H về phía sau khiến chị H ngã xuống đường. Thấy chị H kêu cứu và sợ bị phát hiện, N dùng tay trái lấy dao để trong túi áo khoác, bấm nút trên chuôi dao, kê phần

lưỡi dao vào vùng cổ và đe dọa, yêu cầu chị H phải giữ im lặng nếu còn kêu cứu sẽ giết. Do chị H vẫn tiếp tục giằng co với N nên N dùng tay phải tát vào mặt chị H. Cùng lúc đó, anh Nguyễn Hồng Sơn, sinh năm 1998, anh Đinh Văn Sơn, sinh năm 1996 và chị Nguyễn Thị Ánh Nguyệt, sinh năm 2002 đều trú tại: khu 4, xã Phụng Mao (nay là xã Tu Vũ), huyện TT đi qua khu vực trên nghe thấy tiếng kêu cứu của chị H và nhìn thấy N đang khống chế chị H nên anh Đinh Văn Sơn và anh Nguyễn Hồng Sơn đã xông vào giằng co, khống chế N khiến chiếc dao bám N đang cầm trên tay văng rơi xuống đường. Được sự hỗ trợ của quần chúng nhân dân, anh Nguyễn Hồng Sơn, anh Đinh Văn Sơn đã khống chế, bắt giữ và đưa Lê Đăng N cùng vật chứng về trụ sở Công an xã Trung Thịnh, huyện TT để giải quyết theo quy định.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TT phối hợp cùng cơ quan chuyên môn tiến hành xét nghiệm chất ma túy đối với Lê Đăng N, kết quả xét nghiệm nước tiểu thể hiện Lê Đăng N dương tính với ma túy methamphetamine. Đồng thời tiến hành xem xét dấu vết trên thân thể đối với Ninh, thể hiện: trên vùng mắt trái, vùng mí mắt phải, sống mũi có vết bầm tím, sưng nề. N khai các vết thương trên hình thành do N chống cự khi bị quần chúng nhân dân khống chế, bắt giữ. N không đề nghị gì về các thương tích nêu trên.

Đối với chị Nguyễn Thương H, khi bị Lê Đăng N dùng vũ lực, kẻ lưỡi dao vào cổ gây ra các vết trầy xước, rách da trên vùng cổ, chị H tự nguyện không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên, Lê Đăng N cùng gia đình bồi thường cho chị H số tiền 5.000.000đ, chị H và gia đình không có yêu cầu, đề nghị nào khác. Ngày 08/02/2020, chị H có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Ninh.

Bản cáo trạng số 11/CT-VKS-TT ngày 28 tháng 02 năm 2020, của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh P truy tố các bị cáo Lê Đăng N về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện TT vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

**** Căn cứ vào: Điểm d, Khoản 2, Điều 168; Điểm b, s Khoản 1; Khoản 2, Điều 51 BLHS.***

**** Tuyên bố: Bị cáo Lê Đăng N phạm tội "Cướp tài sản".***

**** Xử phạt: Bị cáo Lê Đăng N từ 07 năm tù đến 07 năm 03 tháng tù; được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam là 02 tháng 11 ngày (từ ngày 08/11/2019 đến ngày 17/01/2020); thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.***

**** Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Lê Đăng N theo quy định tại Khoản 6, Điều 168 BLHS.***

**** Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận bị cáo N cùng gia đình đã tự nguyện bồi thường cho bị hại là chị Nguyễn Thương H số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng), chị H và gia đình không có yêu cầu, đề nghị nào khác vì vậy không xem xét giải quyết.***

**** Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng***

hình sự.

- Tịch thu để tiêu hủy: 01 chiếc dao bấm chuôi bằng nhựa màu xanh kích thước 11cm x 02 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 08cm, bản rộng nhất 02cm.

- Trả lại cho bị cáo Lê Đăng N: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA DREAM màu sơn nâu, BKS 88D1- 06638 và 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS 88D1- 06638 mang tên Mai Thế Vân; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 màu nâu đã qua sử dụng gắn thẻ sim có số thuê bao 0967178188; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5 màu trắng đã qua sử dụng gắn thẻ sim có số thuê bao 0989958776; 01 chiếc ví giả da màu nâu; 01 CMND mang tên Lê Đăng N; 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Đăng N và số tiền Việt Nam 780.000đ. Nhưng tạm giữ số tiền Việt Nam 780.000đ để bảo đảm thi hành án.

Các vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện TT đang quản lý, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/3/2020.

- Xác nhận quá trình điều tra, cơ quan CSĐT công an huyện Thanh Thủy đã trả lại cho các chủ sở hữu các tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội là hợp pháp theo biên bản trả lại tài sản ngày 09/02/2020, gồm:

+ Trả lại cho anh Vũ Minh Nhật, sinh năm 1995; địa chỉ: khu 2, xã Sơn Thủy, huyện TT, tỉnh P: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA RSX màu sơn đen, BKS 19L1-154.72; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S màu hồng đã qua sử dụng gắn thẻ sim có số 0336951411.

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thương H, sinh ngày 12/7/2003; Địa chỉ: Khu 5, xã Đ, huyện TT, tỉnh P: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 màu vàng đã qua sử dụng không gắn thẻ sim.

* Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn hối cải và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

* Người bị hại và người đại diện có đơn đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu và chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

Về thủ tục tố tụng: Người bị hại và người đại diện cho bị hại vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên họ đã có lời khai và ý kiến gửi đến tòa án vì vậy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng tới phiên tòa, HĐXX xét xử vắng mặt họ theo quy định.

Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Lê Đăng N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của

minh như nội dung cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai. Lời khai nhận của bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai tại phiên toà hôm nay đều thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai người bị hại, phù hợp với nội dung vụ án và phù hợp với vật chứng thu giữ. Như vậy khẳng định:

Hồi 22h30 phút ngày 08/11/2019 tại khu 5, xã Trung Thịnh (nay là khu 17, xã Đ) huyện TT, tỉnh P, Lê Đăng N có hành vi sử dụng vũ lực và 01 dao bấm kích thước 11cm x 02 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 08cm, bản rộng nhất 02cm là phương tiện nguy hiểm theo hướng dẫn tại tiểu mục 2.2 mục 2 phần 1 Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để khống chế, uy hiếp chị Nguyễn Thương H với mục đích cướp tài sản là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S màu hồng đã qua sử dụng gắn thẻ sim có số 0336951411 trị giá 3.000.000đ. Hành vi của Lê Đăng N bị quần chúng nhân dân phát hiện, bắt quả tang. Do đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo N đã cấu thành tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS.

Điều 168 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...d. Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác;...”

Cáo trạng của VKSND huyện TT truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng. Hành vi cướp tài sản của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, đe dọa sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang lo lắng và tạo nên sự bất bình cho quần chúng nhân dân. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Do vậy cần phải xét xử nghiêm minh đối với bị cáo để có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thấy rằng:

Về nhân thân: Bị cáo Lê Đăng N là người được giáo dục với trình độ đại học, đã có nghề nghiệp và thu nhập. Với những điều kiện đó, N phải tập trung chăm lo cho gia đình và cống hiến cho xã hội. Nhưng N không chịu rèn luyện, phấn đấu khiến bản thân sa vào tệ nạn Ma túy làm cho sức khỏe thể chất và tinh thần không ổn định. Bản thân N năm 1999 bị Tòa án nhân dân tỉnh V xử phạt 03 năm tù cho hưởng án treo về tội “*Cướp tài sản của công dân*” mặc dù đã được xóa án tích nhưng N không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục có hành vi sử dụng vũ lực, vũ khí nguy hiểm để khống chế, uy hiếp người khác với mục đích chiếm đoạt tài sản.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lê Đăng N không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS quy định tại Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại với số tiền 5.000.000đ. Ngày 08/02/2020, người bị hại và người đại diện có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bố đẻ bị cáo là ông Lê Văn Huân là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, Huy chương chiến sỹ vẻ vang. Do đó, Lê Đăng N được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các Điều b, s Khoản 1; Khoản 2, Điều 51 BLHS.

Từ phân tích ở trên, đối chiếu với các quy định của pháp luật xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian đối với bị cáo N mới có tác dụng cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Tuy nhiên bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự do đó HĐXX sẽ xem xét mức án khi quyết định hình phạt để bị cáo thấy được sự răn đe cũng như sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo Khoản 6, Điều 168 BLHS thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên xét thấy bị cáo không có tài sản riêng, điều kiện kinh tế khó khăn hiện tại không có thu nhập. Vì vậy HĐXX miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thương H bị Lê Đăng N dùng vũ lực, kẻ lưỡi dao vào cổ gây ra các vết trầy xước, rách da trên vùng cổ, chị H tự nguyện không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên, Lê Đăng N cùng gia đình bồi thường cho chị H số tiền 5.000.000đ, chị H và gia đình không có yêu cầu, đề nghị nào khác. Do đó HĐXX không đặt ra giải quyết.

[6] Về vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA DREAM màu sơn nâu, BKS 88D1-06638 và 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS 88D1-06638 mang tên Mai Thế Vân; Chiếc xe này do N mua của ông Mai Thế Vân, sinh năm 1963, trú tại: thôn Vĩnh Phú, xã Liễn Sơn, huyện Lập Thạch, tỉnh V vào năm 2017 nhưng không làm thủ tục sang tên theo quy định. Đây là chiếc xe của N sử dụng làm việc là tài sản chung của gia đình, do đó là tài sản hợp pháp của bị cáo cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 chiếc dao bấm chuôi bằng nhựa màu xanh kích thước 11cm x 02 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 08cm, bản rộng nhất 02cm đây là chiếc dao của Lê Đăng N sử dụng làm công cụ để cướp tài sản nên cần tịch thu để tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 màu nâu đã qua sử dụng gắn thẻ sim có số thuê bao 0967178188 ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5 màu trắng đã qua sử dụng gắn thẻ sim có số thuê bao 0989958776; 01 chiếc ví giả da màu nâu; 01 CMND mang tên Lê Đăng N; 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Đăng N;

Số tiền Việt Nam 780.000đ. Đây là tài sản và giấy tờ cá nhân hợp pháp của Lê Đăng N không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo. Nhưng cần tạm giữ tiền Việt Nam 780.000đ để bảo đảm thi hành án.

Đôi 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA RSX màu sơn đen, BKS 19L1- 154.72; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S màu hồng đã qua sử dụng gắn thẻ sim có số 0336951411 qua xác minh đây là tài sản thuộc sở hữu của anh Vũ Minh Nhật, sinh năm 1995, trú tại: khu 2, xã Sơn Thủy, huyện TT. Anh Nhật là bạn chị H, số tài sản trên anh Nhật cho chị H mượn. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 màu vàng đã qua sử dụng không gắn thẻ sim là tài sản hợp pháp của chị H. Ngày 09/02/2020, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TT đã xử lý vật chứng trả lại số tài sản trên cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp, cần xác nhận.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo; người bị hại và người đại diện theo pháp luật cho bị hại được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp. Đề nghị của đại diện VKSND huyện Thanh Thủy tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào: Điểm d, Khoản 2, Điều 168; Điểm b, s Khoản 1; Khoản 2, Điều 51 BLHS.

* **Tuyên bố:** Bị cáo Lê Đăng N phạm tội "Cướp tài sản" .

* **Xử phạt:** Bị cáo Lê Đăng N **07 (bảy)** năm tù; được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam là 02(hai) tháng 11(mười một) ngày (từ ngày 08/11/2019 đến ngày 17/01/2020); thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

* **Về hình phạt bổ sung:** Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Lê Đăng N theo quy định tại Khoản 6, Điều 168 BLHS.

* **Về trách nhiệm dân sự:** Xác nhận bị cáo N cùng gia đình đã tự nguyện bồi thường cho bị hại là chị Nguyễn Thương H số tiền 5.000.000đ(năm triệu đồng), chị H và gia đình không có yêu cầu, đề nghị nào khác vì vậy HĐXX không đặt ra giải quyết.

* **Về vật chứng:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 3, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu để tiêu hủy: 01 chiếc dao bấm, chuôi bằng nhựa, màu xanh kích thước 11cm x 02 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 08cm, bản rộng nhất 02cm.

- Trả lại cho bị cáo Lê Đăng N: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA DREAM màu sơn nâu, BKS 88D1- 06638 và 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS 88D1- 06638 mang tên Mai Thế Vân; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 màu nâu đã qua sử dụng gắn thẻ sim có số thuê bao 0867178188; 01 điện thoại di động nhãn hiệu

IPHONE 5 màu trắng đã qua sử dụng gắn thẻ sim có số thuê bao 0989958776; 01 chiếc ví giả da màu nâu; 01 CMND mang tên Lê Đăng N; 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Đăng N và số tiền Việt Nam 780.000đ(bảy trăm tám mươi nghìn đồng), nhưng tạm giữ số tiền Việt Nam 780.000đ để bảo đảm thi hành án.

Các vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện TT đang quản lý, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/3/2020.

- Xác nhận quá trình điều tra, cơ quan CSĐT công an huyện Thanh Thủy đã trả lại cho các chủ sở hữu các tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội là hợp pháp theo biên bản trả lại tài sản ngày 09/02/2020, gồm:

+ Trả lại cho anh Vũ Minh Nhật, sinh năm 1995; địa chỉ: khu 2, xã Sơn Thủy, huyện TT, tỉnh P: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA RSX màu sơn đen, BKS 19L1-154.72; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S màu hồng đã qua sử dụng gắn thẻ sim có số 0336951411

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thương H, sinh ngày 12/7/2003; Địa chỉ: Khu 5, xã Đ, huyện TT, tỉnh P: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 màu vàng đã qua sử dụng không gắn thẻ sim.

*** Về án phí:** Căn cứ vào Khoản 2, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Đăng N phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

*** Về quyền kháng cáo:** Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị cáo có mặt được quyền kháng cáo, người bị hại, người đại diện theo pháp luật cho bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các bị cáo, Người có QLNVLQ;
- VKSND.H.Thanh Thủy,
- VKSND tỉnh P;
- CA huyện Thanh Thủy;
- CQ THAHS;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp P;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Viết Tú